TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2019/QĐST-HNGĐ	Kế Sách, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thạch C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 89A, tổ 3, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 89A, tổ 3, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***- Về quan hệ hôn nhân*:** Anh Thạch C và Chị Thạch Thị T tự công nhận không phải là vợ chồng do anh Cường và chị Tha không đăng ký kết hôn

***- Về con chung*:** Anh Thạch C và Chị Thạch Thị T cùng thống nhất xác định: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên là Thạch Thanh Thiên sinh năm 1989 và Thạch Thị Sương, sinh năm 1991. Do 02 con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Về tài sản chung*:** Theo lời khai của Anh Thạch C và Chị Thạch Thị T xác định có tài sản chung là 5.000.000 đồng. Anh Thạch C và Chị Thạch Thị T thống nhất thỏa thuận như sau: Chị Thạch Thị T đồng ý giao tài sản chung là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho Anh Thạch C toàn quyền sử dụng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

***- Về nợ chung*:** Theo lời khai của Anh Thạch C và Chị Thạch Thị T xác định là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

***- Về án phí HNST*:** Anh Thạch C nguyện chịu toàn bộ án phí HNST là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản chung, cộng chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Anh Cường đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006596 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách nên không phải nộp tiếp.

Do anh Cường tự nguyện chịu toàn bộ án phí HNST và án phí chia tài sản chung cho nên Chị Thạch Thị T khỏi phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn)

cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hải Duy

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).